

HÌNH PHẠT TIỀN TRONG LUẬT HÌNH SỰ CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

FINES IN THE CRIMINAL LAW OF THE FEDERAL REPUBLIC OF GERMANY AND EXPERIENCES FOR VIETNAM

Trần Hữu Tráng¹

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/05/2022

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/11/2022

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/11/2022

Tóm tắt: Bài viết phân tích làm rõ mục đích của hình phạt, lịch sử lập pháp của hình phạt tiền và các căn cứ quyết định hình phạt trong Luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức, từ đó đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam liên quan đến hình phạt tiền.

Từ khóa: Hình phạt tiền, lịch sử lập pháp, mục đích của hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt, lỗi, Cộng hòa liên bang Đức.

Abstract: The article analyzes and clarifies the purpose of the punishment, the legislative history of the fine and the bases for deciding the punishment in the Criminal Law of the Federal Republic of Germany, thereby giving experiences related to fines in Vietnam's criminal law.

Keywords: Fines, Legislative history, Purposes of punishment, Grounds for deciding punishment, Fault, Federal Republic of Germany.

I. Dẫn nhập

Hình phạt tiền là một hình phạt đặc biệt quan trọng trong Luật hình sự của các quốc gia. Tại Cộng hòa liên bang Đức (CHLB), hình phạt tiền đã có một lịch sử lâu đời. Nghiên cứu hình phạt tiền trong Luật hình sự CHLB Đức vừa cho thấy những tiến bộ vượt bậc trong nhận thức và hoàn thiện chế tài này, vừa giúp chúng ta có những kinh nghiệm quý báu trong việc tiếp tục hoàn thiện Bộ luật

hình sự Việt Nam nói chung và hình phạt tiền nói riêng.

II. Cơ sở lý thuyết

Bài viết dựa trên các lý thuyết về hình phạt, lý thuyết về lỗi trong Luật hình sự và lý thuyết về mục tiêu của chính sách pháp luật.

2.1. Lý thuyết về hình phạt

Tội phạm và hình phạt là hai nền tảng lý luận cơ bản trong Luật Hình sự

¹ Khoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt.

² Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr.217-335

Việt Nam, trong đó lý luận về hình phạt làm rõ cơ sở của trách nhiệm hình sự, ý nghĩa, mục đích, vai trò của hình phạt, hệ thống hình phạt, căn cứ quyết định hình phạt và các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt.[†]

2.2. Lý thuyết về lỗi

Lý thuyết về lỗi là một nền tảng lý luận đặc biệt quan trọng trong Luật hình sự. Luật hình sự Việt Nam không chấp nhận việc “quy tội khách quan”, nghĩa là truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) chỉ dựa trên cơ sở hành vi khách quan có gây ra (hoặc đe dọa gây ra) thiệt hại cho xã hội hay không mà còn phải xét đến lỗi của người thực hiện. Một người chỉ phải chịu TNHS khi họ có lỗi khi thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội. Lỗi cũng là một trong các cơ sở quan trọng để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.³

2.3. Lý thuyết về mục tiêu của chính sách pháp luật hình sự

Lý thuyết về mục tiêu của chính sách pháp luật là nền tảng lý luận để bảo đảm đầy đủ nhất các quyền và tự do của con người. Mục tiêu chung của chính sách pháp luật Việt Nam là dựa trên các giá trị như: tính mạng, tự do, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, công bằng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Hình phạt tiền chính là một trong sự thể hiện các mục đích tốt đẹp của chính sách pháp luật hình sự của Việt Nam.⁴

III. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic, phân tích quy phạm pháp luật, phương pháp luật so sánh được sử dụng để làm rõ mục đích của hình phạt, lịch sử lập pháp của hình phạt tiền, các căn cứ quyết định hình phạt trong Luật hình sự CHLB Đức, gồm:

Các phương pháp phân tích, bình luận, quy nạp, diễn dịch, suy luận logic được sử dụng để đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam liên quan đến hình phạt tiền.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Khái lược mục đích của hình phạt trong Luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức

Lịch sử lập pháp Bộ luật hình sự (BLHS) Cộng hòa liên bang Đức có nguồn gốc từ BLHS của Vương quốc Phổ (Königreich Preußen). Thời kỳ này, mỗi Bang của nước Đức đều có BLHS riêng, trong đó phải kể đến BLHS của Bavaria do học giả Paul Johann Anselm von Feuerbach (1775-1833) chủ trì biên soạn dựa trên tư tưởng của Immanuel Kant (1724-1804), trong đó đã có sự tách bạch rõ ràng giữa phạm vi điều chỉnh của BLHS và các vấn đề liên quan đến đạo đức, như quan hệ tình dục đồng giới có sự đồng thuận. Feuerbach cũng đề cao nguyên tắc pháp định (Gesetzlichkeitsprinzip), trong đó nhấn mạnh hình phạt luôn phải được

³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung. Nxb. Công an nhân dân, tr. 161-180; Nguyễn Ngọc Hòa (2008), Tội phạm và cấu thành tội phạm. Nxb. Công an nhân dân, tr. 82-101.

⁴ Võ Khánh Vinh (2020), Chính sách pháp luật (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học Xã hội. tr. 182-225.

quy định trước trong BLHS. Khi nước Phổ giành thắng lợi trong cuộc chiến để thành lập Nhà nước Liên bang Bắc Đức (Norddeutsche Bund) và buộc Áo phải rời khỏi Đức, Phổ đã ban hành BLHS dựa trên BLHS có hiệu lực năm 1851⁵. Năm 1870 Đế chế Đức được thành lập và đến năm 1871 BLHS mở rộng hiệu lực ra miền Nam nước Đức, cùng với Bộ luật Tố tụng hình sự ban hành năm 1877 đã trở thành nền tảng pháp luật hình sự tồn tại cho đến ngày nay với hơn 200 lần sửa đổi, bổ sung.⁶

Giai đoạn đầu, hình phạt thiên về mục đích trừng trị với hai loại hình phạt chính là hình phạt tù và tử hình. Mãi đến năm 1949 hình phạt tử hình mới được bãi bỏ.⁷ Xã hội ngày càng phát triển thì quan điểm về mục đích, ý nghĩa của hình phạt cũng dần thay đổi. Trong thời kỳ đầu, đa số các học thuyết đều nhấn mạnh mục đích trừng trị của hình phạt. Theo đó, hình phạt tác động đến chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội theo hướng bất lợi và sự trừng trị này chính là kết quả của sự lên án công khai của xã hội đối với hành vi của chủ thể.⁸ Hành vi phạm tội

có nhiều tính chất, mức độ khác nhau và ứng với mỗi mức độ của hành vi sẽ có tính chất, mức độ trừng trị khác nhau, từ phạt tiền cho đến tước tự do với các thời hạn khác nhau kèm theo các hình phạt bổ sung khác. Hình phạt luôn mang bản chất trừng trị ngay cả khi người bị áp dụng hình phạt không coi đó là sự trừng trị, là điều tồi tệ nhất đối với mình.⁹ Ngoài mục đích trừng trị hình phạt có mục đích phòng ngừa, tức là ngăn chặn hành vi phạm tội xảy ra trong tương lai „*punitur ne peccetur*“. Mục đích này hướng đến cả phòng ngừa chung (Generalprävention) đối với toàn xã hội và phòng ngừa đặc biệt (Spezialprävention) đối với người phạm tội để ngăn ngừa tái phạm tội. Quan điểm của Hörnle đại diện cho các học giả thời hiện đại thì cho rằng mục đích của hình phạt cần được tiếp cận dựa trên cả nhà nước, xã hội, người phạm tội hoặc nạn nhân.¹⁰ Để xác định mục đích, ý nghĩa của hình phạt, cần dựa trên sự kết hợp của ba nguyên tắc cơ bản là phòng ngừa xã hội, phòng ngừa cá nhân và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra.¹¹

⁵ Thomas Nipperde, *Deutsche Geschichte 1800–1866: Bürgerwelt und starker Staat*, C.H. Beck, 1983, tr.794.

⁶ Milan Kuhli, *Grundzüge der Strafrechtsgeschichte vom 18. Jahrhundert bis zur Gegenwart – Teil 1*, Zeitschrift für das Juristische Studium, 1/2021, tr.20-22.

⁷ Thomas Vormbaum (2011), *Moderne deutsche Strafrechtsdenker* (German Edition) 2011th., Springer; 2011th edition, tr. 143ff; 164ff.

⁸ Hans-Heinrich Jescheck. Thomas Weigend, *Lehrbuch des Strafrechts-Allgemeiner Teil*, 5. vollständig neu bearbeitete und erweiterte Auflage 1996, Duncker & Humblot GmbH Verlag, tr.65.

⁹ Eberhard Schmidhäuser, *Vom Sinn der Strafe*, Logos Verlag, 2004, tr.44.

¹⁰ Tatjana Hörnle, *Straftheorien*, 2., überarbeitete Auflage, Mohr Siebeck Verlag 2017, tr.2 và các trang tiếp theo.

¹¹ Axel Montenbruck, *Deutsche Straftheorie – Ein Lehrbuch*, 3. erheblich erweiterte Auflage, 2018, veröffentlicht im Open Access der Freien Universität Berlin, tr.14.

Như vậy có thể thấy, quan điểm về mục đích của hình phạt trong Luật hình sự của Đức đã có sự thay đổi đáng kể. Nếu như thời kỳ đầu, đa số các học thuyết đều nhấn mạnh mục đích trừng trị thì đến nay, phần lớn các học thuyết lại nhấn mạnh tính phòng ngừa và trách nhiệm đền bù thiệt hại cho nạn nhân (khôi phục những lợi ích đã bị xâm hại). Quan điểm về mục đích của hình phạt có tác động rất lớn đến chính sách hình sự. Với mục đích đề cao tính trừng trị, chính sách hình sự hướng đến các biện pháp tác động trực tiếp đến thân thể, tính mạng của người phạm tội. Ngược lại, với mục đích phòng ngừa, chính sách hình sự hướng đến các biện pháp hạn chế, loại trừ tội phạm, giảm tối đa thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra và chú trọng khắc phục thiệt hại mà nạn nhân phải gánh chịu.

4.2. Khái lược lịch sử lập pháp của hình phạt tiền ở Đức

Hình phạt tiền được định nghĩa là biện pháp tác động vào tài sản của người phạm tội trên cơ sở thực hiện quyền chủ quyền hình sự tối cao của nhà nước với các mức độ phạt tiền được quy định cụ thể.¹²

Trong lịch sử lập pháp hình sự của Đức thời kỳ đầu, hình phạt chủ yếu thể hiện sự phản ứng của nhà nước dưới hình thức trả thù đối với người phạm tội, tức là hình phạt nhằm trừng phạt về thể xác hoặc tử hình (Körper- und Todesstrafe) người phạm tội. Vì vậy thời kỳ này không có hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính.

Từ thế kỷ 6 trở đi, dưới ảnh hưởng của Cơ đốc giáo đã xuất hiện hình thức đền tội bằng hình thức phạt tiền vừa mang tính trừng phạt, vừa mang tính đền bù cho sự bất công do hành vi phạm tội gây ra, nhất là đền bù cho người thân của nạn nhân đã chết. Nếu người phạm tội không trả khoản này thì có nguy cơ mắc nợ suốt đời hoặc phải chịu hình phạt tử hình thay thế.¹³ Đến năm 1532, tính chất của hình phạt tiền đã có sự thay đổi. Hình phạt tiền chỉ áp dụng cho các hành vi phạm tội ít nghiêm trọng với tính chất như là khoản tiền phạt phải trả cho nạn nhân bị thương tích hoặc như một khoản bồi thường thiệt hại cho nạn nhân. Đến thời kỳ ban hành Bộ luật Đất đai chung của nước Phổ (Allgemeines Preußisches Landrecht) năm 1794, hình phạt tiền mới được mở rộng phạm vi áp dụng đối với cả các tội phạm nghiêm trọng. Đạo luật cải cách BLHS giai đoạn 1921 - 1924 tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền cho các trường hợp xử phạt tù dưới ba tháng.

Lần sửa đổi BLHS năm 1969 được coi là bước tiến quan trọng trong lịch sử lập pháp của hình phạt tiền với chính sách ưu tiên áp dụng hình phạt tiền cho các trường hợp xử phạt tù ngắn hạn. Điều 14 khoản 2 BLHS năm 1969 quy định: Trường hợp Điều luật chỉ quy định hình phạt tước tự do dưới 6 tháng mà không quy định hình phạt tiền hoặc hình phạt tiền chỉ là hình phạt bổ sung thì nếu có các tình tiết đặc biệt của hành vi phạm tội hoặc nhân thân người phạm tội thì

¹² Heiz Zipf, Die Geldstrafe, Band 14: Strafrecht, Strafverfahren, Kriminologie, Luchterhand Verlag, 1966, tr. 24.

¹³ Hans-Heinrich Jescheck, Gerhard Grebing, Die Geldstrafe im deutschen und ausländischen Recht, Nomos Verlag, 1978, s.

tòa án quyết định áp dụng hình phạt tiền trong trường hợp không áp dụng hình phạt tước tự do¹⁴. Đây là quy định đặc biệt cho phép Tòa án áp dụng hình phạt tiền ngay cả trong trường hợp điều luật về tội đó không quy định hình phạt tiền là hình phạt chính. Điều 15 BLHS năm 1969 cũng cho phép Tòa án có thể quyết định hình phạt tước tự do xuống mức tối thiểu theo quy định hoặc áp dụng hình phạt tiền thay thế hình phạt tước tự do. Những quy định này cho thấy các nhà lập pháp đã cho phép Tòa án áp dụng hình phạt tiền đối với cả những tội danh mà điều luật không quy định hình phạt tiền là hình phạt chính để mở rộng tối đa phạm vi áp dụng của hình phạt tiền.

Tuy nhiên, BLHS sửa đổi năm 1969 vẫn còn hạn chế lớn, đó là hình phạt tiền được áp dụng thống nhất theo các mức khác nhau, với mức thấp nhất là 3 DM và mức cao nhất là 10.000 DM, căn cứ trên mức độ lỗi và có tính đến hoàn cảnh kinh tế của người phạm tội. Quy định này mới *chỉ tính đến* hoàn cảnh kinh tế của người phạm tội mà chưa *căn cứ* vào hoàn cảnh kinh tế hay thu nhập của người phạm tội. Vì vậy, quy định này dường như không bảo đảm công lý, công bằng (Gerechtigkeit) khi nó quá nặng đối với người nghèo và quá nhẹ đối với người giàu có.¹⁵

Khắc phục các hạn chế trên, BLHS sửa đổi năm 1975 đã thiết kế hình phạt tiền thành hệ thống xử phạt tiền theo hai giai đoạn tách bạch: Giai đoạn xác định mức độ xử phạt và giai đoạn xác định mức thu nhập ngày. Khoản 1 Điều 40 BLHS quy định mức xử phạt từ 5 đến 360 ngày tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; khoản 2 Điều 40 quy định mức tiền phạt của một ngày thu nhập được xác định căn cứ vào hoàn cảnh cá nhân và kinh tế của người thực hiện tội phạm. Về nguyên tắc việc xác định mức tiền phạt một ngày thu nhập cần dựa trên thu nhập thực tế mà người thực hiện tội phạm có được hoặc lẽ ra có được bình quân một ngày. Theo quy định tại thời điểm năm 1975, mức tiền phạt của một ngày thu nhập là từ hai Deutsche Mark đến mười nghìn Deutsche Mark¹⁶ và BLHS hiện hành quy định mức tiền phạt của một ngày thu nhập là từ một Euro đến ba mươi nghìn Euro. Việc xác định thu nhập của người thực hiện tội phạm để xác định ngày thu nhập dựa trên tài sản của họ và các nguồn thu nhập khác. Số ngày thu nhập và mức tiền của ngày thu nhập được xác định trong bản án.¹⁷

Bộ luật hình sự CHLB Đức cũng cho phép quyết định hình phạt tiền kèm theo hình phạt tước tự do. Theo đó, nếu

¹⁴ Khoản 2 Điều 14 Bộ luật hình sự CHLB Đức năm 1969. Nguồn: https://dejure.org/BGBI/1969/BGBI_I_S_1445.

¹⁵ Geppert/Bath Die Tagessatz-Geldstrafe gegenüber der sogenannten “Nur”-Hausfrau, Jura 1985, tr.498.

¹⁶ § 40 BLHS CHLB Đức tại website công bố văn bản luật trực tuyến: https://www.bgbl.de/xaver/bgbl/start.xav?start=%2F%2F%5B%40attr_id%3D%27bgbl175s0001.pdf%27%5D#__bg-bl_%2F%2F%5B%40attr_id%3D%27bgbl175s0001.pdf%27%5D_1668818226371.

¹⁷ Xem § 40 Verhängung in Tagessätzen, Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 57. Auflage, München, 2019, tr. 22.

người thực hiện tội phạm, thông qua hành vi phạm tội đã trục lợi hoặc tìm cách trục lợi thì Tòa án có thể tuyên kèm theo hình phạt tước tự do một hình phạt tiền là hình phạt không được quy định là hình phạt lựa chọn hoặc chỉ được quy định là hình phạt lựa chọn nếu hình phạt này phù hợp với hoàn cảnh cá nhân và kinh tế của người thực hiện tội phạm.¹⁸

Đặc biệt Bộ luật hình sự CHLB Đức có quy định về hình phạt tước tự do thay thế cho hình phạt tiền. Theo đó, nếu hình phạt tiền không được thi hành thì sẽ bị thay thế bằng hình phạt tước tự do. Cứ mỗi ngày thu nhập bằng một ngày hình phạt tước tự do. Mức thấp nhất của hình phạt tước tự do thay thế cho hình phạt tiền là một ngày.¹⁹

4.3. Căn cứ quyết định hình phạt (Grundsätze der Strafzumessung)

Bộ luật hình sự CHLB Đức quy định hai nhóm căn cứ để quyết định hình phạt (QĐHP) gồm:

a. Nhóm căn cứ liên quan đến lỗi và tác động của hình phạt đến cuộc sống tương lai của người phạm tội.

- Nhóm căn cứ liên quan đến lỗi của người phạm tội

Đây là một trong các căn cứ quan trọng để Tòa án có thể xác định được mức

độ xử phạt (số ngày thu nhập) đối với từng người phạm tội. Theo Luật hình sự CHLB Đức, khi QĐHP, Tòa án cần xác định cụ thể lỗi của người phạm tội. Việc xác định lỗi của người phạm tội là vấn đề rất quan trọng nhưng cũng rất phức tạp trong xác định mức độ trách nhiệm hình sự của người phạm tội. Luật hình sự CHLB Đức chia lỗi của người phạm tội thành lỗi cố ý (Vorsatz) và lỗi vô ý (Fahrlässigkeit).

+ *Lỗi cố ý (Vorsatz)* được định nghĩa là nội dung của hoạt động tâm lý thể hiện mong muốn khi thực hiện một hành vi phạm tội trong sự hiểu biết tất cả các tình tiết khách quan. Nói cách khác, lỗi cố ý thể hiện ở sự hiểu biết (Wissen) và sự mong muốn (Wollen) của chủ thể khi thực hiện hành vi phạm tội.²⁰ LHS CHLB Đức phân biệt ba loại lỗi cố ý: Cố ý có mục đích, cố ý trực tiếp và cố ý có khả năng.

* *Lỗi cố ý có mục đích (Absicht)*: Là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi nhằm đến một kết quả cụ thể (Erfolg). Cố ý có mục đích thể hiện mong muốn có mục đích của người phạm tội. Điều này không phụ thuộc vào việc trên thực tế người phạm tội có đạt được mục đích cuối cùng của mình hay chỉ đạt được mục đích trung gian. Nói cách khác, mục đích không đồng nghĩa với động cơ.²¹ Lỗi cố ý có mục đích là dạng nghiêm trọng nhất

¹⁸ Xem § 41 Geldstrafe neben Freiheitsstrafe, Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 57. Auflage, München, 2019, tr. 22.

¹⁹ Xem § 43 Ersatzfreiheitsstrafe, Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 57. Auflage, München, 2019, tr. 23.

²⁰ Johannes Wessels/ Werner Beulke, *Strafrecht Allgemeiner Teil*, 33., neubearbeiteter Auflage, C.F. Müller Verlag Heidelberg, 2003, tr. 75.

²¹ Volker Krey, *Deutsches Strafrecht Allgemeiner Teil*, 3., neu bearbeitete Auflage, W. Kohlhammer Verlag 2008, tr. 125.

trong các loại lỗi cố ý, thể hiện mức độ phủ nhận cao nhất các giá trị đòi hỏi của xã hội cần phải tuân thủ.²²

* *Lỗi cố ý trực tiếp (Direkter Vorsatz/dolus directus)*: Là trường hợp mà người phạm tội để đạt được mục đích, mặc dù không mong muốn nhưng chắc chắn hậu quả phụ của hành vi sẽ xảy ra.

* *Lỗi cố ý có khả năng (Eventualvorsatz)*: Là trường hợp người phạm tội biết về khả năng một hậu quả xảy ra và chấp nhận khả năng xảy ra hậu quả đó.²³

+ *Lỗi vô ý (Fahrlässigkeit)* được hiểu là trường hợp một người đã không tránh việc gây ra một hậu quả thiệt hại không mong muốn mặc dù có nghĩa vụ phải tránh và trong tình trạng có thể tránh được. LHS CHLB Đức chia lỗi vô ý làm 3 loại:

* *Lỗi vô ý do thiếu hiểu biết (Unbewusste Fahrlässigkeit)*: Là trường hợp mà tại thời điểm thực hiện hành vi, người thực hiện hoàn toàn không biết được rằng hành vi của mình là một hành vi thỏa mãn một CTTTP. Đây là những trường hợp mà người phạm tội đã thiếu sự cẩn trọng cần thiết nhưng họ lại không biết điều này.

* *Lỗi vô ý do nhận thức chưa đúng (Bewusste Fahrlässigkeit)*: Là trường hợp mà người thực hiện hành vi nhận thức được hành vi của mình có khả năng thỏa mãn một CTTTP, tuy nhiên mặc dù nhận

thức như vậy, nhưng người này tin rằng hành vi của mình là không phạm tội. Bản thân người đó không muốn thực hiện hành vi phạm tội. Trường hợp này khác với lỗi cố ý có khả năng (Eventualvorsatz) ở chỗ người phạm tội với lỗi vô ý do nhận thức chưa đúng không chấp nhận khả năng xảy ra hậu quả.²⁴ Việc phân biệt lỗi vô ý do thiếu hiểu biết và vô ý do nhận thức chưa đúng chỉ có ý nghĩa trong lượng hình.

* *Lỗi bất cẩn (Leichtfertigkeit)*: Là trường hợp người phạm tội vi phạm nghĩa vụ cẩn trọng cần thiết ở mức độ cao bất thường. Trong trường hợp này, tính bất hợp pháp của hành vi và mức độ lỗi gia tăng đáng kể so với các trường hợp lỗi vô ý khác. Một số tài liệu còn xác định loại lỗi này là lỗi trung gian giữa lỗi cố ý và lỗi vô ý.

CTTP của hành vi với lỗi vô ý đòi hỏi ba yếu tố: 1) Hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; 2) Vi phạm một nghĩa vụ cẩn trọng khách quan (người phạm tội có thấy trước hậu quả của hành vi không và có vi phạm nghĩa vụ cẩn trọng cần thiết không); 3) Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm nghĩa vụ cẩn trọng cần thiết và hậu quả thiệt hại do hành vi gây ra.²⁵

* *Lỗi kết hợp (Vorsatz-Fahrlässigkeits-Kombination)*

Khoản 2 Điều 11 BLHS CHLB Đức quy định trường hợp phạm tội đặc biệt được khoa học LHS gọi là lỗi kết

²² Volker Krey, Deutsches Strafrecht Allgemeiner Teil, Sdd, tr. 125.

²³ Johannes Wessels/ Werner Beulke, Strafrecht Allgemeiner Teil, Sdd, tr. 79, 80; Volker Krey, Deutsches Strafrecht Allgemeiner Teil, 3. Sdd, tr. 127, 128.

²⁴ Walter Gropp, Strafrecht Allgemeiner Teil, Band 2, Publisher: Springer 2000, tr. 419.

²⁵ Johannes Wessels/ Werner Beulke, Strafrecht Allgemeiner Teil, Sdd, tr. 234, 235.

hợp: “*Một hành vi cũng có lỗi cố ý theo nghĩa của Bộ luật này nếu hành vi đó thỏa mãn một CTTP trong bộ luật mà hành vi đòi hỏi lỗi cố ý, tuy vậy một lỗi vô đối với hậu quả đặc biệt đã gây ra qua hành vi là đủ*”.²⁶ Ví dụ, trong cấu thành của tội cố ý gây thương tích với hậu quả chết người (§ 227 Körperverletzung mit Todesfolge), lỗi đối với hành vi gây thương tích là lỗi cố ý, tuy nhiên lỗi đối với hậu quả chết người là lỗi vô ý.

Có thể thấy, BLHS CHLB Đức có cấu trúc lỗi khá phức tạp cho phép Tòa án thông qua xác định lỗi để đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội. Từ đó có căn cứ để xác định mức xử phạt tiền với mức tối thiểu là 5 ngày thu nhập và mức tối đa lên đến 360 ngày thu nhập bình quân²⁷.

- *Nhóm căn cứ liên quan đến tác động của hình phạt đến cuộc sống tương lai của người phạm tội*

Căn cứ thứ hai trong nhóm căn cứ này cũng là một nguyên tắc rất quan trọng dựa trên nguyên tắc bảo đảm quyền cơ bản của con người cũng như nguyên tắc nhân đạo. Nguyên tắc này cần đặc biệt chú ý trong áp dụng hình phạt tiền. Theo đó, khi áp dụng hình phạt tiền cần đánh giá toàn diện tác động của hình phạt tiền đến cuộc sống tương lai của người phạm tội và gia đình họ. Đây chính là nguyên tắc quan trọng để Tòa án xác định mức tiền phạt của một ngày thu nhập. Để thực hiện điều này,

Tòa án phải xác định được tình hình tài sản của người phạm tội, thu nhập bình quân của người phạm tội và các căn cứ khác để xác định ngày thu nhập bình quân của người đó. Một vấn đề đặt ra là một người có khối tài sản bất động sản, nhưng họ lại có thu nhập thấp thì liệu có đưa bất động sản này vào để làm cơ sở xác định mức thu nhập bình quân của người đó không. Về nguyên tắc thì theo quy định của Điều 40 BLHS, Tòa án chỉ căn cứ thu nhập thường xuyên của người phạm tội. Tuy nhiên, những trường hợp này, Tòa án cũng sẽ xem xét một phần khoản tài sản này sau khi đã trừ đi các khoản dự liệu cho phục vụ tuổi già của người đó.²⁸ Trường hợp người phạm tội cung cấp thông tin không đáng tin cậy về tài sản và thu nhập thường xuyên của mình thì Tòa án sẽ thực hiện việc xác minh tài sản và thu nhập của người phạm tội.

Những quy định này nhằm bảo đảm tính công bằng trong quyết định hình phạt tiền giữa những người có thu nhập rất khác nhau trong xã hội. Theo đó, nếu một người giàu có và một người nghèo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất, mức độ tương tự nhau thì sẽ bị xử phạt với số ngày thu nhập như nhau, nhưng số tiền thu nhập bình quân ngày sẽ rất khác nhau.²⁹

b. *Nhóm căn cứ liên quan đến việc đánh giá tác động giữa các tình tiết có lợi và bất lợi đối với người phạm tội.*

Tòa án khi QĐHP cần cân nhắc các tác động sau đây:

²⁶ Xem § 11 II Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 57. Auflage, München, 2019, tr.17.

²⁷ § 40 Verhängung in Tagessätzen, Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 57. Auflage, München, 2019, tr. 23. Hans-Heinrich Jescheck, Gerhardt Grebing, Sđd, tr. 5

²⁸ Hans-Heinrich Jescheck, Thomas Weigend, Lehrbuch des Strafrechts Allgemeiner Teil, 5., vollständig neubearb. und erw. edition (1 Jan. 1996), Duncker & Humblot, tr.773.

²⁹ Geppert/Bath Die Tagessatz-Geldstrafe gegenüber der sogenannten “Nur”-Hausfrau, Jura 1985, tr.498.

- Các động cơ và mục đích của người phạm tội. Động cơ, mục đích của người phạm tội giúp cho việc xác định đúng loại lỗi cũng như đánh giá chính xác mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, từ đó giúp cho việc QĐHP được chính xác.

- Quan điểm được thể hiện thông qua hành vi cũng như mong muốn của người phạm tội. Việc xác định quan điểm, thái độ của người phạm tội cũng rất khó. Tuy nhiên, thông qua hành vi phạm tội cũng như mong muốn mà người phạm tội hướng đến khi thực hiện hành vi thì có thể xác định được quan điểm, thái độ và mong muốn của họ, từ đó đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như mức độ cải tạo trong tương lai để quyết định loại và mức hình phạt phù hợp.

- Mức độ vi phạm nghĩa vụ. Việc xác định mức độ vi phạm nghĩa vụ của người phạm tội cũng thể hiện sự phủ định chủ quan các đòi hỏi của xã hội đối với mỗi cá nhân nhằm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, việc làm rõ mức độ vi phạm nghĩa vụ cũng giúp cho việc đánh giá chính xác mức độ nguy hiểm của HVPT.

- Cách thức thực hiện hành vi và tác động của hành vi có lỗi. Cách thức thực hiện hành vi bằng hành động hoặc không hành động, thực hiện với công cụ phương tiện hay không có công cụ phương tiện... cũng thể hiện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

- Cuộc sống trước đó của người thực hiện tội phạm, hoàn cảnh cá nhân và kinh tế cũng như xử sự của người đó sau khi thực hiện hành vi, nỗ lực cố gắng bồi

thường thiệt hại của họ cũng như cố gắng để đạt được việc hoà giải với nạn nhân. Đây là những yếu tố thuộc về điều kiện, hoàn cảnh sống cũng như một số tính tiết nhân thân người phạm tội. Làm rõ những vấn đề này chính là làm rõ các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội cũng như giúp cho việc đánh giá đúng đắn tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để quyết định được loại và mức hình phạt chính xác áp dụng cho người phạm tội.³⁰

V. Kết luận

Nghiên cứu hình phạt tiền trong Luật hình sự Đức, trong sự so sánh với hình phạt tiền trong Luật hình sự Việt Nam, có thể đưa ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Thứ nhất, cần đề cao mục đích phòng ngừa của hình phạt nói chung, hình phạt tiền nói riêng. Như trên đã phân tích, lịch sử lập pháp của Đức thời kỳ đầu cũng đề cao tính trừng trị của hình phạt. Tuy nhiên, cùng với thời gian và xu hướng của xã hội hiện đại, quan điểm về mục đích của hình phạt ngày nay ở Đức đã thay đổi theo hướng đề cao mục đích phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng. Việc đề cao mục đích phòng ngừa sẽ có tác động tích cực đến nhận thức và thực tiễn áp dụng hình phạt, qua đó cũng sẽ có tác động đến các chính sách hình sự theo hướng nhân đạo và hướng thiện hơn.

Thứ hai, học tập kinh nghiệm lập pháp của Đức để sửa đổi hình phạt tiền theo số ngày thu nhập và mức thu nhập bình quân ngày. Ở Việt Nam, Dự thảo sửa đổi BLHS năm 2015 đã từng đưa ra phương án sửa đổi quy định về hình phạt

³⁰ Xem: Hans-Jürgen Bruns/ Georg-Friedrich Güntge, Das Recht der Strafzumessung, 3., neu bearbeitete und erweiterte Auflage, Carl Heymanns Verlag 2019, trang 9-12.

tiền, như sau: “*Khi tuyên hình phạt tiền là hình phạt chính, Tòa án tuyên nếu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị kết án không chấp hành thì hình phạt tiền được chuyển đổi thành hình phạt tù, đồng thời ấn định mức phạt tù mà người đó phải chấp hành...*”

Theo tổng kết của Ban soạn thảo, các ý kiến không tán thành quy định này vì cho rằng không nên cùng một lúc áp dụng hai loại hình phạt khác nhau. Nếu người bị kết án không chấp hành hình phạt sẽ bị truy tố về tội không chấp hành án; việc chuyển đổi này sẽ làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.³¹

Theo chúng tôi, phương án này so với quy định trong BLHS CHLB Đức đơn giản hơn trong việc quyết định hình phạt nhưng vẫn chưa giải quyết được vấn đề bảo đảm công bằng tương đối cho những nhóm người có thu nhập khác nhau trong xã hội. Hơn nữa nếu theo phương án này thì Tòa án luôn phải cùng lúc tuyên hai hình phạt (vừa tuyên hình phạt tiền cho bị cáo thực hiện, vừa phải tuyên hình phạt tù để dự phòng trường hợp người đó không thi hành án thì chuyển sang hình phạt tù).

Từ kinh nghiệm của CHLB Đức về hình phạt tiền cho thấy, việc quy định phạt tiền theo số ngày thu nhập và mức thu nhập bình quân ngày là phương án tối ưu nhất. Tất nhiên, việc xác định thu nhập ngày của người phạm tội là không dễ, nhưng không phải không làm được.

Đã có tác giả cho rằng “*BLHS không nên quy định biện pháp bảo đảm thi hành hình phạt tiền theo hướng chuyển đổi từ hình phạt tiền sang hình phạt tù*” vì “*nước ta chưa có kênh quản lý thu nhập một cách minh bạch, rõ ràng...*”³². Chúng tôi cho rằng, vấn đề quy định hình phạt tiền theo số ngày thu nhập và mức thu nhập bình quân ngày là hoàn toàn khả thi. Trước mắt có thể phân nhóm đối tượng người dân để quy định các mức thu nhập trung bình đối với các nhóm dân cư để làm cơ sở tính mức thu nhập bình quân ngày. Về lâu dài, cần đẩy mạnh quản lý thu nhập của người dân, quản lý thanh toán không dùng tiền mặt. Đây là những vấn đề khó nhưng Việt Nam đang là quốc gia rất tích cực trong chuyển đổi số thì không có lý do gì là không thực hiện được. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định mục tiêu cơ bản “*Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu*”.³³ Với mục tiêu này việc xác định thu nhập của người dân trong tương lai gần sẽ rất thuận lợi.

Thứ ba, cần tiếp tục hoàn thiện căn cứ quyết định hình phạt. Như trên đã phân tích, Luật hình sự CHLB Đức đưa ra

³¹ Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Kế hoạch của Chính phủ về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi), tr. 11, 12. Nguồn: Cổng thông tin điện tử của Chính phủ tại website: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=180562.

³² Mai Thị Thủy, Đào Thị Nguyệt, Về hình phạt tiền áp dụng đối với người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4/2016, tr. 25-31 (30).

³³ Điều 1 Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

các căn cứ QĐHP, bao gồm bảy yếu tố là (1) lỗi; (2) động cơ, mục đích phạm tội; (3) quan điểm và mong muốn của người phạm tội khi thực hiện hành vi; (4) mức độ vi phạm nghĩa vụ của người phạm tội; cách thức thực hiện hành vi; (5) nỗ lực bồi thường cho nạn nhân; (6) cuộc sống và hoàn cảnh của người phạm tội trước khi thực hiện hành vi và (7) cân nhắc tác động của hình phạt đến cuộc sống tương lai của người phạm tội. Trong đó, một số căn cứ mang tính nổi trội và tương đối khác so với căn cứ QĐHP trong LHS Việt Nam là (1) quan điểm và mong muốn của người phạm tội khi thực hiện hành vi; (2) mức độ vi phạm nghĩa vụ của người phạm tội; cách thức thực hiện hành vi; (3) nỗ lực bồi thường cho nạn nhân; (4) cuộc sống và hoàn cảnh của người phạm tội trước khi thực hiện hành vi và (5) cân nhắc tác động của hình phạt đến cuộc sống tương lai của người phạm tội. Đây là những căn cứ rất quan trọng trong việc đánh giá mức độ hối cải, khả năng giáo dục cải tạo của người phạm tội cũng như hiệu quả của hình phạt sẽ áp dụng cho họ. Trong những căn cứ này, có những căn cứ đã được vận dụng trong QĐHP như nỗ lực bồi thường cho nạn nhân và có thể coi đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, nên học tập kinh nghiệm của CHLB Đức quy định cụ thể các căn cứ này trong điều luật về căn cứ QĐHP để bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc cho việc QĐHP.

Những sửa đổi trong pháp luật hình sự Đức đã giúp quy định về hình phạt tiền ngày càng phù hợp với đòi hỏi của xã hội cũng như yêu cầu phòng, chống tội phạm, yêu cầu pháp chế cũng như công

lý, công bằng xã hội. Những năm 1882, tỷ lệ phạt tù so với phạt tiền là 75% và 25%. Ba mươi năm sau, vào năm 1912, tỷ lệ này là 48,5% phạt tù và 47% phạt tiền.³⁴ Năm 1970, tỷ lệ số người phạm tội áp dụng hình phạt tiền tăng lên là 70% và đến năm 1991 tỷ lệ này đã là 84%.³⁵ Số liệu trên cho thấy bước tiến cơ bản của hình phạt tiền trong lịch sử lập pháp hình sự của Đức. Đây là bài học rất giá trị để các quốc gia, trong đó có Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu để tiếp thu các hạt nhân hợp lý, tích cực trong quá trình phát triển của pháp luật hình sự.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Axel Montenbruck, *Deutsche Straftheorie – Ein Lehrbuch*, 3. erheblich erweiterte Auflage, 2018, veröffentlicht im Open Access der Freien Universität Berlin.
- [2]. Eberhard Schmidhäuser, *Vom Sinn der Strafe*, Logos Verlag, 2004
- [3]. Geppert/Bath, *Die Tagessatz-Geldstrafe gegenüber der sogenannten “Nur”-Hausfrau*, Jura 1985
- [4]. Hans-Heinrich Jescheck, Gerhardt Grebing, *Die Geldstrafe im deutschen und ausländischen Recht*, Nomos Verlag, 1978
- [5]. Hans-Heinrich Jescheck, Thomas Weigend, *Lehrbuch des Strafrechts Allgemeiner Teil*, 5., vollständig Neubearb. und erw. edition (1 Jan. 1996), Duncker & Humblot
- [6]. Hans-Jürgen Bruns/ Georg-Friedrich Gütge, *Das Recht der Strafzumessung*, 3., neu bearbeitete und erweiterte Auflage, Carl

³⁴ Hans-Heinrich Jescheck, Gerhardt Grebing, Sđd, tr. 5.

³⁵ Statistisches Bundesamt, Rechtspflege, Reihe 3, Strafverfolgung 1991, 1993, tr. 46, 50.

Heymanns Verlag 2019

[7]. Heiz Zipf, *Die Geldstrafe, Band 14: Strafrecht, Strafverfahren, Kriminologie*, Luchterhand Verlag, 1966

[8]. Nguyễn Ngọc Hòa (2008), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*. Nxb. Công an nhân dân

[9]. Johannes Wessels/ Werner Beulke, *Strafrecht Allgemeiner Teil*, 33., neu bearbeitete Auflage, C.F. Müller Verlag Heidelberg, 2003

[10]. Milan Kuhli, *Grundzüge der Strafrechtsgeschichte vom 18. Jahrhundert bis zur Gegenwart – Teil 1*, Zeitschrift für das Juristische Studium, 1/2021, tr.20-22.

[11]. Strafgesetzbuch (BLHS CHLB Đức) năm 1975 tại website công bố văn bản luật trực tuyến: https://www.bgbl.de/xaver/bgbl/start.xav?start=%2F%2F*%5B%40attr_id%3D%27bgbl175s0001.pdf%27%5D#__bgbl__%2F%2F*%5B%40attr_id%3D%27bgbl175s0001.pdf%27%5D_1668818226371.

[12]. Strafgesetzbuch (Bộ luật hình sự CHLB Đức năm 1969). Nguồn: https://dejure.org/BGBI/1969/BGBI._I_S._1445.

[13]. Strafgesetzbuch, Verlag C.H. Beck oHG, 57. Auflage, München, 2019

[14]. Tatjana Hörnle, *Straftheorien*, 2., überarbeitete Auflage, Mohr Siebeck Verlag 2017

[15]. Thomas Nipperde, *Deutsche Geschichte 1800–1866: Bürgerwelt und starker Staat*, C.H. Beck, 1983

[16]. Thomas Vormbaum (2011), *Moderne deutsche Strafrechtsdenker* (German Edition) 2011th., Springer; 2011th edition

[17]. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Kế hoạch của Chính phủ về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Bộ luật Hình sự (sửa đổi). Nguồn: Cổng thông tin điện tử của Chính phủ tại website: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=180562.

[18]. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

[19]. Mai Thị Thủy, Đào Thị Nguyệt, *Về hình phạt tiền áp dụng đối với người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 4/2016, tr. 25-31 (30).

[20]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần chung*. Nxb. Công an nhân dân

[21]. Võ Khánh Vinh (2020), *Chính sách pháp luật* (Giáo trình sau đại học). Nxb. Khoa học Xã hội.

[22]. Volker Krey, *Deutsches Strafrecht Allgemeiner Teil*, 3.,neu bearbeitete Auflage, W. Kohlhammer Verlag 2008

[23]. Walter Gropp, 51. Walter Gropp, *Strafrecht Allgemeiner Teil*, Band 2, Publisher: Springer 2000

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Đà Lạt

Email: trangth@dlu.edu.vn

